chǎn wù

产物

Noun · Product

Example Sentences

zhè shì nǔ lì de chǎn wù
这是努力的产物。

This is the product of hard work.

zhè zuò hóng wěi de jiàn zhù shì gǔ dài gōng jiàng zhì huì de chǎn wù
这座宏伟的建筑是古代工匠智慧的产物。

This magnificent building is the product of ancient craftsmen's wisdom.

zhè běn shū shì tā duō nián yán jiū de chǎn wù
这本书是他多年研究的产物。

This book is the product of his years of research.

Trace each character, then write the word on your own.

产 产 产 产 产 产 产 产 产

物 物 物 物 物 物 物 物 物 物 物